TỈNH ỦY CAO BẰNG
TRƯỜNG CT HOÀNG ĐÌNH GIONG
*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Cao Bằng, ngày 03 tháng 02 năm 2020

ĐIỂM THI

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị - hành chính khóa 59

Môn: Phần VI. Tình hình địa phương

Ngày thi: 04/01/2020

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	*Bằng chữ*			*Số*	*Bằng chữ*
1	Lại Thị An	7.25	Bảy phẩy hai năm	36	Lý Tố Loan	7.75	Bảy phẩy bảy năm
2	Lương Văn Biểu	7.25	Bảy phẩy hai năm	37	Phan Thanh Long	8.00	Tám
3	Đàm Thị Cúc	7.75	Bảy phẩy bảy năm	38	Ngôn Công Lý	7.50	Bảy phẩy năm
4	Triệu Văn Cường	8.00	Tám	39	Đàm Thị Miết	6.50	Sáu phẩy năm
5	Nông Quốc Chấn	8.00	Tám	40	Nông Hồng Minh	8.00	Tám
6	Hoàng Văn Chung	7.50	Bảy phảy năm	41	Hoàng Thị Minh	8.00	Tám
7	Sầm Văn Chuyên	8.00	Tám	42	Hoàng Thị Mùi	7.00	Bảy
8	Hà Thị Chuyên	8.00	Tám	43	Đàm Thị Nặp	7.50	Bảy phẩy năm
9	Đàm Thị Diệp	7.50	Bảy phảy năm	44	Nguyễn Thúy Nga	7.25	Bảy phẩy hai năm
10	Hà Thị Diệu	7.25	Bảy phẩy hai năm	45	Ma Kiên Nghị	7.75	Bảy phẩy bảy năm
11	Nông Văn Dũng	7.50	Bảy phảy năm	46	Nông Thanh Nghị	7.75	Bảy phẩy bảy năm
12	Vy Văn Duy	7.00	Bảy	47	Phan Thị Nhàn	8.00	Tám
13	Lương Thị Duyên	7.75	Bảy phẩy bảy năm	48	Nông Văn Nhằm	6.75	Sáu phẩy bảy năm
14	Bế Thị Gấm	7.50	Bảy phảy năm	49	Ma Kiên Phì	7.75	Bảy phẩy bảy năm
15	La Văn Giáp	7.25	Bảy phẩy hai năm	50	Đàm Thị Phượng	8.00	Tám
16	Lục Thị Hà	6.75	Sáu phẩy bảy năm	51	Nguyễn Thị Phượng	7.50	Bảy phẩy năm
17	Nguyễn Thị Hạnh	8.00	Tám	52	Tô Quang Quốc	6.75	Sáu phẩy bảy năm
18	Ma Thị Hạnh	8.25	Tám phẩy hai năm	53	Phan Thị Quyển	7.75	Bảy phẩy bảy năm
19	Nông Thị Hằng	8.00	Tám	54	Lục Văn Toàn	6.75	Sáu phẩy bảy năm
20	Nông Bích Hằng	7.50	Bảy phảy năm	55	Hoàng Văn Tòng	7.00	Bảy
21	Đoàn Thu Hằng	8.00	Tám	56	Đinh Phan Tuân		**Thôi học**
22	Đặng Thị Hằng	7.50	Bảy phảy năm	57	Bế Thị Tuyến	7.75	Bảy phẩy bảy năm
23	Lý Thị Hiền	8.00	Tám	58	Nông Văn Tướng	7.00	Bảy
24	Phan Thị Hiện	7.50	Bảy phảy năm	59	Nông Văn Thắng	6.50	Sáu phẩy năm
25	Luân Thị Hiệp	7.75	Bảy phẩy bảy năm	60	Nguyễn Đình Thống	7.50	Bảy phẩy năm

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	*Bằng chữ*			*Số*	*Bằng chữ*
26	Hoàng Ích Hoàn	7.00	Bảy	61	Hứa Thị Kim Thơ	7.75	Bảy phẩy bảy năm
27	Tô Thị Huế	7.50	Bảy phảy năm	62	Phan Thị Thủy	8.25	Tám phẩy hai năm
28	Hoàng Thị Huệ	7.75	Bảy phẩy bảy năm	63	Nguyễn Thị Thúy	7.75	Bảy phẩy bảy năm
29	Hứa Thị Huệ	7.50	Bảy phảy năm	64	Phan Văn Thư	7.75	Bảy phẩy bảy năm
30	Nông Thị Hường	8.00	Tám	65	Nông Thị Thu Trang	8.00	Tám
31	Linh Thị Hường	8.00	Tám	66	Triệu Văn Trường	7.75	Bảy phẩy bảy năm
32	Tô Thị Hường	8.00	Tám	67	La Thị Út	8.00	Tám
33	Hoàng Thị Khuyên	8.00	Tám	68	Đinh Thị Vẫn	8.00	Tám
34	Hà Thị Lê	8.00	Tám	69	Bế Quang Viên	7.75	Bảy phẩy bảy năm
35	Mạc Văn Linh	8.00	Tám	70	Nông Thị Yên	7.50	Bảy phẩy năm

Điểm 6,50: 02 điểm: Điểm 6,75: 04 điểm: 7,00: 05 điểm; Điểm 7,25: 05 điểm; Điểm 7,50: 14 điểm; Điểm 7,75: 15 điểm; Điểm 8,00: 22 điểm; Điểm 8,25: 02 điểm./.

GHI ĐIỂM	PHÒNG QL ĐÀO TẠO VÀ NCKH TRƯỞNG PHÒNG	HIỆU TRƯỞNG
Hà Huyền Nga	Hoàng Việt Hưng	Trịnh Thị Ánh Hoa